

POWERPOINT

Câu 73: Khi vẽ một số hình Shapes có hình thoi màu vàng. Hình thoi đó là gì và có tác dụng ra sao?

- A. Đó là nút kích cỡ, dùng để thay đổi kích thước của đối tượng Shapes.
- B. Đó là nút di chuyển, dùng để kéo đối tượng Shape tới một vị trí khác()
- C. Đó là nút điều chỉnh, dùng để thay đổi hình dạng của đối tượng Shapes.
- D. Không phải ba tác dụng trên.

Câu 74: Trong powerpoint, đối tượng để tạo liên kết đến một phim videoclip là :

- A. Một WordArt
- B. Một textbox
- C. Một Shapes
- D. Cả 3 đều đúng

Câu 75: Đây là biểu tượng



- A. Shapes B. Picture
- C. ClipArt C. Animations

Câu 76: Đây là biểu tượng



- A. Shapes
- B. Picture
- C. ClipArt
- D. Animations

Câu 77: Đây là biểu tượng



- A. Shapes
- B. Picture
- C. ClipArt
- D. Animations

Câu 78: Đây là biểu tượng



- A. Shapes
- B. Table
- C. Chart
- D. Picture

Câu 79: Đây là biểu tượng



- A. Shapes
- B. Table
- C. TextBox
- D. Header & Footer

Câu 80: Đây là biểu tượng



- A. Shapes
- B. Equation
- C. Chart
- D. Symbol

Câu 81: Đây là biểu tượng 

- A. Shapes
- B. Equation
- C. Chart
- D. Symbol

Câu 82: Đây là biểu tượng 

- A. Shapes
- B. Video
- C. Symbol
- D. Audio

Câu 83: Đây là biểu tượng 

- A. Shapes
- B. Video
- C. Symbol
- D. Audio

Câu 84: Để đổi hướng chữ trong TextBox, ta thực hiện:

- A. Home / Align Text
- B. Home / Text Direction
- C. Home / Arrange
- D. Tất cả đều sai.

Câu 85: Chức năng của lệnh Duplicate Selected Slides là:

- A. Tạo Slide mới rỗng có định dạng giống Slide hiện hành
- B. Tạo Slide mới có nội dung giống Slide hiện hành
- C. Cả 2 đều đúng
- D. Cả 2 đều sai

Câu 86: Để bỏ màn hình đen trước khi kết thúc trình chiếu, trong File / Option, ta chọn:

- A. General
- B. Proofing
- C. Advanced
- D. Save

Câu 87: Để tạo được hình Shapes, ta thực hiện tại:

- A. Home
- B. Insert
- C. Cả 2 đều đúng
- D. Cả 2 đều sai

Câu 88: Để chỉnh Highlight cho đối tượng khi đưa mouse đi ngang qua (Mouse over), sau khi chọn đối tượng, ta thực hiện:

- A. Home / Align Text
- B. Home \ Section
- C. Insert \ Hyperlink
- D. Insert \ Action

Câu 89: Để chỉnh kích thước khổ giấy ta thực hiện:

- A. File / Page Setup
- B. Home / Page Setup
- C. View / Page Setup
- D. Design / Page Setup

Câu 90: Trong thẻ Animation, muốn thêm hiệu ứng cho đối tượng, ta chọn đối tượng và thực hiện:

- A. Chọn hiệu ứng thêm cho đối tượng
- B. Click Add Animaton
- C. Click phải vào đối tượng và chọn Animation
- D. Click Effect Options

Câu 91: Để chỉnh màu cho cây viết khi trình chiếu, ta thực hiện:

- A. File / Options / Advanced
- B. Insert / Pen Color
- C. Slide Show / Setup Slide Show / Pen Color
- D. Cả 3 đều sai

Câu 92: Để dấu biểu tượng loa khi trình chiếu, ta chọn:

- A. Click phải vào loa và chọn Edit Object
- B. Vào hộp thoại Play Audio và chọn Audio Settings
- C. Cả 2 đều đúng
- D. Cả 2 đều sai

Câu 93: Để cắt bớt đoạn phim khi trình chiếu, Click phải vào đối tượng phim đã chèn và chọn:

- A. Cut
- B. Format Video
- C. Trim Video
- D. Size and Position

Câu 94: Tìm và thay thế từ trong Slide, ta chọn:

- A. Home / Replace
- B. Insert / Replace
- C. Design / Replace
- D. Slide Show / Replace

Câu 95: Để chọn độ dày cho đường biên khung đối tượng, trong Tab Home, ta chọn:

- A. Shape Fill
- B. Shape Outline
- C. Shape line
- D. Shape Effects

Câu 96: Để tô màu cho shape, trong Tab Home, ta chọn:

- A. Shape Fill
- B. Shape Outline
- C. Shape line
- D. Shape Effects

Câu 97: Chức năng Design / Slide Orientation dùng để:

- A. Thay đổi kích cỡ Slide
- B. Thay đổi hướng cho Slide
- C. Thay đổi dạng thiết kế Slide
- D. Cả 3 đều sai

Câu 98: Khi vào Tab Animation nhưng không thể chọn hiệu ứng cho đối tượng vì:

- A. Chưa chọn đối tượng
- B. Đã chọn 1 đối tượng
- C. Đã chọn nhiều đối tượng
- D. Chưa chọn được Slide cần thực hiện hiệu ứng

Câu 99: Trong Tab Transitions, biểu tượng Preview có tác dụng:

- A. Xem trước hiệu ứng
- B. Trình chiếu Slide hiện hành
- C. Cả 2 đều đúng
- D. Cả 2 đều sai

Câu 100: Chức năng Rehearse Timings dùng để:

- A. Cài đặt số lượng Slide cho mỗi Presentation
- B. Tự thiết lập thời gian trình chiếu cho mỗi Slide
- C. Qui định cách thực hiện khi trình chiếu
- D. Cả 3 đều sai

Câu 101: Nút Remove trong hộp thoại Custom Show dùng để:

- A. Xóa mẫu trình chiếu đã được thiết lập
- B. Xóa các Slide trong trình chiếu đã chọn
- C. Xóa Slide trong bài trình chiếu
- D. Cả 3 đều đúng

Câu 102: Để chèn thêm một số Slide từ tập tin khác vào tập tin hiện hành, ta chọn:

- A. Insert / Slide From File
- B. Home / New Slide / Resue Slide
- C. Insert / Presentation
- D. Cả 3 đều sai

Câu 103: Để thiết lập chế độ lưu tự động, ta thực hiện:

- A. Slide Show / Set Up Show
- B. Home / Reset
- C. File / Options
- D. Cả 3 đều sai

Câu 104: Muốn bỏ việc thực hiện một hiệu ứng sau khi chọn đối tượng ta chọn nút lệnh:

- A. Delete
- B. Exit
- C. Cancel
- D. Remove

Câu 105: Trong mục Transition hiệu ứng “None” dùng để chỉ:

- A. Không chuyển slide
- B. Không chuyển đối tượng
- C. Không định thời gian
- D. Không có hiệu ứng

Câu 106: Chỉ chọn một số slide liên tục để trình diễn, không chọn hết tất cả:

- A. Slide Show / Set up Show
- B. Slide Show / Slide Transition
- C. Slide Show / Custom Animation
- D. Cả 3 đều sai

Câu 107: Chỉ chọn một số slide không liên tục để trình diễn, không chọn hết tất cả:

- A. Slide Show / Set up Show
- B. Slide Show / Slide Transition
- C. Slide Show / Custom Show
- D. Cả 3 đều sai

Câu 108: Trong Powerpoint để tạo hiệu ứng cho đối tượng:

- A. Insert
- B. Design
- D. Transition
- D. Animation